

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
năm học 2024-2025**

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng	DT Bình quân	Tiêu chuẩn tối thiểu
1	Khối phòng học tập			
1.1	Phòng học	15	1,54m ² /học sinh	1,50m ² /học sinh
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	2,25m ² /học sinh	2,25m ² /học sinh
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	2,25m ² /học sinh	2,25m ² /học sinh
1.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	2,25m ² /học sinh	2,25m ² /học sinh
1.5	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	3	1,85m ² /học sinh	1,85m ² /học sinh
1.6	Phòng học bộ môn Tin học	1	1,85m ² /học sinh	1,85m ² /học sinh
1.7	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	1,85m ² /học sinh	1,85m ² /học sinh
1.8	Phòng đa chức năng	1	1,85m ² /học sinh	1,85m ² /học sinh
1.9	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	2	1,50m ² /học sinh	1,50m ² /học sinh
2	Khối phòng hỗ trợ học tập			
2.1	Thư viện	1	0,5m ² /học sinh	0,60m ² /học sinh
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	6	48m ² /phòng	48m ² /phòng
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	30m ² /phòng	24m ² /phòng
2.4	Phòng Đoàn, Đội	1	0,03m ² /học sinh	0,03m ² /học sinh
2.5	Phòng truyền thống	1	48m ² /phòng	48m ² /phòng
3	Khối phụ trợ			
3.1	Phòng họp	1	1,50m ² /người	1,20m ² /người
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	2	30m ² /phòng	30m ² /phòng
3.3	Phòng y tế trường học	1	24m ² /phòng	24m ² /phòng
3.4	Nhà kho	2	30m ² /kho	48m ² /kho
3.5	Khu để xe học sinh	1	0,90m ² /xe đạp;	0,90m ² /xe đạp;
3.6	Khu vệ sinh học sinh	1	0,06m ² /học sinh	0,06m ² /học sinh
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	0		-
3.8	Phòng giáo viên	0		-
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao			

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng	DT Bình quân	Tiêu chuẩn tối thiểu
4.1	Sân trường	1	3,0m ² /học sinh	1,50m ² /học sinh
4.2	Sân thể dục thể thao	1	0,50m ² /học sinh	0,35m ² /học sinh
4.3	Nhà đa năng	1	15m ² /học sinh	-
5	Khối phục vụ sinh hoạt	0		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1		Chưa đạt
1.1	Khối lớp 6	1		
1.2	Khối lớp 7	1		
1.3	Khối lớp 8	1		
1.4	Khối lớp 9	1		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp 7	1		
2.2	Khối lớp 8	1		
2.3	Khối lớp 9	1		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0		
4	...			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	29,75 học sinh/bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi	1		
2	Loa	14	1 thiết bị/lớp	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	28	2 thiết bị/lớp	
5	Thiết bị khác...	14		
6			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0.6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hoàng Đông, ngày 25 tháng 06 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Ngọc Khiêm